

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-PT

Ngày: 07-01-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Tinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Thị T và các đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Thị T**, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số F, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Số F, Tổ A, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1958 và bà Cao Thị D, sinh năm 1958; chồng: Đỗ Minh H1, sinh năm 1967; con: có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2022 đến ngày 25/11/2022; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo T:

1. Ông Trần Cao P là Luật sư - Công ty luật Hợp danh Trần Cao thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

2. Ông Võ Thanh D1 là Luật sư - Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; vắng mặt.

- *Các bị cáo bị kháng cáo:*

1. Phạm Thành L, sinh năm 1998 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Số B, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Số B, Tổ A, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D2, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1979; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 18/12/2023 cho đến nay; có mặt.

2. Đinh Văn H2, sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số E, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Đ (chết) và bà Phạm Thị Đ1, sinh năm 1950; vợ: Lê Thị Thanh T2 (chết); con: có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 3297/QĐ-XPHC ngày 17/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 4.000.000 đồng về hành vi “*Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân*”, chưa nộp phạt; bị tạm giam từ ngày 10/9/2024 cho đến nay; có mặt.

- *Các bị cáo có liên quan đến kháng cáo:*

1. Đinh Văn C, sinh năm 2004 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn X, sinh năm 1970 và bà Trần Thị Tuyết M (chết); tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2022 đến ngày 25/11/2022 và tạm giam từ ngày 18/12/2023 cho đến nay; có mặt.

2. Lê Đoàn Thiên P1, sinh năm 2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số B, đường T, Tổ dân phố D, Khu phố H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng Phương K, sinh năm 1981 và bà Đoàn Ngọc Q, sinh năm 1981; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2022 đến ngày 25/11/2022 và tạm giam từ ngày 18/12/2023 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Bích T3, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số C ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại Huỳnh Thị Bích T3: Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Ông Đỗ Minh H1, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số nhà F, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Ông Nguyễn Trường X1 - Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

+ Ông Đỗ Lê T4 - Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua bà Cao Thị D nên Lê Thị T (con ruột bà D) đang sinh sống tại huyện H, Thành Phố Hồ Chí Minh biết được ông Lê Văn H (cha ruột T) có quan hệ tình cảm với Huỳnh Thị Bích T3, cư ngụ tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre dẫn đến tình cảm vợ chồng của cha mẹ bị rạn nứt. Nên khoảng 19 giờ ngày 13/11/2022, T thuê Đinh Văn C (làm thuê cho T), Phạm Thành L đến xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre tìm T3 đánh gây thương tích để cảnh cáo. Lê Thị T hỏi Phạm Thành L đi mấy người và lấy bao nhiêu tiền một người thì L nói đi khoảng ba, bốn người và yêu cầu T trả công 2.000.000 đồng một người, đồng thời xin T cho ứng trước 2.000.000 đồng làm chi phí đi đánh T3. T đưa cho C 2.000.000 đồng cùng một bình xịt hơi cay, C đi vào khu vườn kiếng của T lấy một con dao tự chế, một tuýp sắt, một đoạn cây gỗ tròn làm hung khí và điện thoại rủ Lê Đoàn Thiên P1 cùng đi. Sau khi nhận được tiền, C đưa cho L 1.000.000 đồng, P1 500.000 đồng, C giữ lại 500.000 đồng. Sáng ngày 14/11/2022, L điều khiển xe mô tô biển số 53R4 - 7072, Chăng điều khiển xe mô tô biển số 83P2 - 46265 chở P1 ngồi phía sau cầm túi đựng hung khí đi xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre để thực hiện phi vụ đánh T3. Do Phạm Thành L đã nhiều lần theo Lê Thị T về nhà cha mẹ ruột của T ở ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre chơi nên biết đường đi. L đã được T cho xem hình ảnh của chị T3 và vị trí nhà chị T3. Đến khoảng 11 giờ ngày 14/11/2022, L, C, P1 đến ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre tìm được nhà của T3, cả ba dừng xe lại cách nhà T3 khoảng 600 mét quan sát, phát hiện Huỳnh Thị Bích T3 điều khiển xe mô tô hai bánh rời khỏi nhà nhưng không có cơ hội ra tay vì có nhiều người qua lại. Khoảng 19 giờ cùng ngày, L, C, P1 đến nhà trọ N ở ấp T, xã T, huyện T thuê phòng ngủ lại qua đêm để ngày hôm sau tiếp tục tìm T3 để đánh, chém. Khoảng 09 giờ 10 phút ngày 15/11/2022, L điều khiển xe mô tô biển số 53R4 - 7072, P1 điều khiển xe mô tô biển số 83P2 - 46265 chở C ngồi phía sau cầm túi đựng hung khí di chuyển trên đường X để tìm T3, khi đi đến đoạn gần nhà T3 thì phát hiện T3 điều khiển xe mô

tô đi hướng ngược lại, P1 liền điều khiển xe mô tô biển số 83P2 - 46265 chặn đầu xe của T3, C vút dao tự chế xuống lộ đal cho L lấy, rồi cầm bình xịt hơi cay xịt vào mặt làm T3 bị ngã xuống lề lộ, C xuống xe tiếp tục xịt hơi cay vào người T3, T3 đứng dậy bỏ chạy xuống ruộng cỏ, L cầm dao đuổi theo, T3 vừa chạy vừa la lớn “anh ơi cứu em”, chạy được một đoạn Tuyên bị té ngã thì L đuổi kịp và cầm dao chém nhiều cái trúng vào tay, vai, mông, chân trái của T3 gây thương tích.

Nghe tiếng la của T3, Đinh Văn H2 (sống như vợ chồng với T3) liền lấy một con dao tự chế từ trong nhà chạy ra đến lộ đal thì bị C cầm bình xịt hơi cay xịt vào mặt, H2 lập tức đuổi chém C nhưng C chạy thoát. Ở dưới ruộng cỏ, L nhìn thấy H2 cầm dao nên bỏ chạy lên lộ đal, H2 cầm dao đuổi theo để chém L, chạy được một đoạn L bị trượt chân té ngã và đứng dậy chạy tiếp thì bị té ngã lần thứ hai thì H2 đuổi theo kịp, H2 dùng dao tự chế chém từ trên xuống trúng khuỷu tay phải làm L rớt dao xuống lộ đal, H2 vung dao lên định chém tiếp thì C chạy đến xịt hơi cay vào mặt H2 nên H2 không chém được L cái thứ hai. Thấy H2 lùi lại, C nhặt dao và dìu L lên xe mô tô biển số 83P2 - 46265 để P1 điều khiển tẩu thoát khỏi hiện trường. Huỳnh Thị Bích T3 được gia đình đưa đến bệnh viện N1, tỉnh Bến Tre điều trị.

Sau khi rời khỏi hiện trường, C đã vứt bỏ bình xịt hơi cay, dao xuống ruộng nước ven đường xã DX05. Khi đến thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Đoàn Thiên P1 giao xe cho Đinh Văn C điều khiển chở Phạm Thành L vào Bệnh viện N1 điều trị, còn P1 điện thoại cho T biết đã đánh được T3 còn L bị thương, lúc này T biết P1 cùng đi với L và C đánh T3. Do P1 không biết đường về nên T hướng dẫn P1 đón xe về Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi về Thành phố Hồ Chí Minh, P1 đến gặp T thông báo lại tình hình thương tích của L, nghe xong, T đưa cho P1 2.000.000 đồng để đóng viện phí cho L. Được tiền, P1 tiêu xài hết 300.000 đồng. Đến ngày 16/11/2022 thì Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 và Lê Thị Trang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre bắt giữ.

Nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ:

- 02 mẫu vật có màu đỏ nghi là máu ký hiệu M1 và M2; 01 đôi dép màu đen không size số, bên trong lòng mỗi chiếc dép có chữ MLB; 01 xe mô tô màu đỏ, nhãn hiệu DREAM, biển số 53R4 - 7072, số máy FMH-00050016, số khung VNXCHL-00050016; 01 túi vải nhựa màu xanh đen hiệu SHIMANO bên trong có 02 cây cần câu cá bằng kim loại; 01 đoạn ống tiếp sắt rỗng dài 50cm, đường kính 02cm; 01 đoạn gỗ tròn dài 50cm, đường kính 03cm; 01 túi vải màu xanh hình con khủng long bên trong 01 áo khoác màu đen tay dài; 01 dây cáp sạc điện thoại màu đen; 01 mắt kính nhựa màu đen; 01 bình xịt hơi cay bằng kim loại, hình tròn,

đường kính 6,2cm, trên thân bình màu đen, viền màu đỏ cam, có kí tự “TAKE” màu đen, “DOWN” màu trắng, “OO S.S FOGGER” màu đỏ cam, “MK-IX” màu đen trên nền đỏ cam, “MTS” màu đen trên nền đỏ cam, “Made in the USA” màu trắng trên nền đen. B có tay cầm bằng nhựa màu đen, trên tay cầm có nút bấm màu vàng (do ông Phạm Văn X2 giao nộp). Mở rộng hiện trường phát hiện thu giữ: 01 con dao bằng kim loại dài 70cm, cán bằng kim loại dài 16cm được quấn vải màu đen, lưỡi dao màu trắng sáng dài 54cm có một bề sắc bén, mũi nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 05cm;

- Đinh Văn H2 giao nộp: 01 con dao tự chế có tổng chiều dài 01 mét, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 74cm có một bề sắc bén, mũi nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dao rộng 03cm, cán dao được làm bằng gỗ, có bọc nhựa hai bên, bên ngoài có quấn vải, đường kính 04cm; 01 vỏ bọc dao bằng gỗ có chiều dài là 76cm, bên ngoài có bọc nhựa, đường kính chỗ rộng nhất là 4,5cm;

- Đinh Văn C giao nộp: 01 xe mô tô đáng Exciter màu xanh - trắng, biển số 83P2 - 46265; số máy: G3D4E122330; số khung: RLCUG0610FY109726; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng (G), có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, số IMEI: 3553390081211008, số MEID: 355323908121100, máy có gắn sim số 0772962491 (ký hiệu A1); 01 áo khoác màu đen rộng 50cm, dài 60cm, có mũ trùm đầu; 01 nón bảo hiểm màu đen có kính; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 căn cước công dân số 094204002839 tên Đinh Văn C và 300.000 đồng;

- Lê Đoàn Thiên P1 giao nộp: 1.700.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A30S, ốp lưng bằng nhựa viền màu đỏ, số IMEI 1: 354258110268717/01, số IMEI 2: 354259110268715/01, máy có gắn sim 1 số 0765531750, sim 2 số 09363609975 (ký hiệu A2);

- Phạm Thành L giao nộp: 01 áo thun vải màu xanh, ngắn tay, dài 6,5cm, rộng 50cm, cổ tròn, trước ngực có chữ “HAVISM” màu xanh; 01 quần tây dài, vải màu đen, chiều dài 90cm, lưng quần rộng 45cm, ống quần bên trái có dính bùn đất, ống quần bên phải có dính vết màu nâu nghi máu; 01 áo khoác dài tay màu cam, có mũ trùm đầu, dài 65cm, rộng 45cm, có một vết rách dài 10cm, nằm ngang ở mặt sau của tay áo phải, cách cổ tay áo là 30cm, một đầu tiếp xúc với đường chỉ may của tay áo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Joy 3, màu xám xanh, số IMEI 1: 351726113017243, số MEID 2: 351726113017250, máy có gắn sim số 0772774536 (ký hiệu A3);

- Lê Thị T giao nộp: 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A02S và 01 thẻ nhớ 16 GB màu đen có chữ “Apacer” (ký hiệu A4), gắn ốp lưng bằng nhựa màu vàng và 6.000.000 đồng;

- Thu giữ của Huỳnh Thị Bích T3: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Z

Flip3 5G, số sêri: R5CRC068LPA, số kiểu máy: SM-F711B; số IMEI 1: 355001765766117, số MEID 2: 359042135766110, máy có gắn sim số +84347817447; 01 áo thun ngắn tay, cổ tròn, màu đen, kích thước 50cm x 40cm, trên áo bị cắt đứt rời ở hai tay áo và thân áo ở phía trước; 01 quần thun màu đen, ống dài 80cm, rộng 18cm, lưng quần rộng 40cm, có hai vết cắt đứt rời dài 80cm. Mặt sau của ống quần bên trái có ba vết rách: Vết rách thứ nhất dài 03cm, xiên từ trên xuống, từ phải qua trái, điểm thấp nhất cách ống quần là 06cm, điểm cao nhất cách ống quần là 07cm; Vết rách thứ hai dài 3,5cm, xiên từ trên xuống, từ phải qua trái, điểm thấp nhất của vết rách cách ống quần là 08cm, điểm cao nhất cách ống quần là 10cm; Vết rách thứ ba dài 07cm, xiên hướng từ trên xuống, từ trái qua phải; Một mảnh vải màu vàng, kích thước 05cm x 25cm có dính chất màu nâu nghi máu;

- Ngày 18/12/2023; Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục thu giữ của Đinh Văn C 01 điện thoại Iphone 14 màu xanh (ký hiệu A1), Phạm Thành L 01 điện thoại Iphone 11 màu đen, số sêri DNPZCX7LN72J (ký hiệu A2).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 27 - 23/TgT ngày 23/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận: Tại thời điểm giám định, tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Huỳnh Thị Bích T3 là 15%. Tỷ lệ của từng vết thương: Gãy nền đốt gần ngón 2 bàn tay trái 02%; Sẹo mặt lòng bàn tay trái kích thước trung bình 02%; Cứng khớp liên đốt gần ngón 2 bàn tay trái 03%; 02 vết sạm da mặt ngoài cánh tay trái 0,5%; Sẹo 1/3 dưới cẳng chân trái 02%; 03 vết sạm da cẳng chân trái 0,5%; Sẹo cánh chậu trái 02%; Sẹo hông trái 02%; vết sạm da hông trái 0,5%. Cơ chế hình thành vết thương mặt lòng bàn tay trái, sẹo vết thương 1/3 dưới cẳng chân trái, sẹo vết thương cánh chậu trái, sẹo vết thương hông trái do vật sắc nhọn gây ra; vết sạm da mặt ngoài cánh tay trái, vết sạm da cẳng chân trái, vết sạm da hông trái do vật tày gây ra. Chiều hướng vết thương không xác định. Riêng vết thương tổn thương dây chằng bên trong độ II khớp gối phải là 06%, không xác định được thời điểm phát sinh vết thương.

Không đồng ý với kết quả giám định thương tích nêu trên, ngày 13/6/2023 ông Huỳnh Văn V là đại diện hợp pháp của Huỳnh Thị Bích T3 yêu cầu giám định lại thương tích cho T3. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 133/23/TgT ngày 12/7/2023 của P2 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Sẹo kích thước trung bình vùng lòng bàn tay - ngón II bàn tay trái 02%; Cứng khớp liên đốt giữa, đốt xa ngón II tay trái 03%; Sẹo kích thước trung bình cẳng chân trái 02%; Sẹo kích thước trung bình vùng gai chậu trước trên bên trái 02%; Sẹo kích thước lớn mặt ngoài mông trái 03%; Gãy nền đốt gần ngón II bàn tay trái 02%; Vết bầm vùng vai trái, trầy xước 1/3 giữa, 1/3 trên cẳng chân trái hiện không còn dấu

vết 00%; Nhồi máu não cấp tính ở cuống não trái: MRI sọ não chụp lúc điều trị tại Bệnh viện A là tổn thương sau ngày 15/11/2022, hiện để lại di chứng tổn thương cuống não trái nên không tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành thương tích nên không tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể; Do tại thời điểm bị đả thương ngày 15/11/2022, không chụp MRI gối phải, nên không đủ cơ sở kết luận rách dây chằng chéo trước, rách thân sụn chêm gối phải có phải là tổn thương xảy ra vào ngày 15/11/2022 hay không nên không tính tỷ lệ tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành thương tích; Hiện nạn nhân không tăng huyết áp, không có dấu hiệu rối loạn chuyển hóa Lipid máu, trường hợp tăng huyết áp, rối loạn chuyển hóa Lipid máu, thiếu máu cơ tim là do bệnh lý; Thiếu máu cơ tim là bệnh lý, không do bị đả thương ngày 15/11/2022. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Huỳnh Thị Bích T3 là 13%. Cơ chế hình thành thương tích: Vết thương để lại sẹo bàn tay trái, gãy nền đốt gần ngón II bàn tay trái, sẹo căng chân trái, sẹo gai chậu trước trên bên trái, sẹo mộng trái là do vật sắc tác động trực tiếp gây nên; Vết bầm tím vùng vai trái hiện không còn dấu vết do vật tày tác động trực tiếp gây nên; Trầy xước 1/3 giữa, 1/3 trên cẳng chân trái hiện không còn dấu vết do vật tày tác động trực tiếp gây nên. Tình trạng mắt trái bị sụp mi nhẹ, theo dõi liệt dây thần kinh sọ số VII; giảm nhẹ thị lực mắt phải; tăng nhãn áp hai mắt theo dõi do S không do bị xịt hơi cay vào mắt hoặc bị chém vào ngày 15/11/2022; Đau đầu, hay quên, tê tay, nói khó của nạn nhân không do bị xịt hơi cay vào mắt hoặc bị chém vào ngày 15/11/2022.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 08/23/TC-AND ngày 09/12/2022 của P2, kết luận: Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên mẫu giám định ký hiệu M1: Dương tính; Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên các mẫu giám định ký hiệu M2, M3, M4: Âm tính; AND thu từ mẫu giám định ký hiệu M1 trùng khớp hoàn toàn với AND Huỳnh Thị Bích T3 trên tất cả các locus STR đã so sánh; Không thu được dữ liệu AND đầy đủ từ các mẫu giám định ký hiệu M2, M3, M4 (mẫu đã bị phân hủy) nên không thể so sánh với AND của Huỳnh Thị Bích T3 và Phạm Thành L.

Tại Biên bản giám định y khoa số 66/GĐYK-KNLD ngày 12/7/2023 của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh Bến Tre xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể (suy giảm khả năng lao động) của Huỳnh Thị Bích T3 là 12%. (Bút lục: 157- 158).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 39 - 23/TgT ngày 23/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận: Tại thời điểm giám định tổng tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Thành L là **36%**. Tỷ lệ cụ thể từng vết thương: Gãy đầu trên xương trụ, trật khớp quay trụ trên (gãy kiểu Monteggia) 06%; gãy lồi cầu ngoài 21%; Gãy chỏm xương quay 06%; Sẹo khuỷu phải kích

thước lớn 03%; Sẹo mặt sau cẳng tay phải kích thước lớn 03%; Sẹo mô kích thước trung bình 02%; Sẹo mô kích thước nhỏ 01%. Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra, chiều hướng không xác định.

Tại Kết luận giám định số 04/KL-KTHS (Đ2) ngày 04/01/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu A là bình xịt hơi cay và thuộc danh mục công cụ hỗ trợ. Sử dụng bình xịt gửi giám định ký hiệu A tấn công vào con người sẽ gây nên cảm giác nóng rát mặt mũi, choáng váng, chảy nước mắt, mất phương hướng tạm thời; Không đủ cơ sở kết luận bình xịt hơi cay gửi giám định ký hiệu A có thể tích là bao nhiêu, mới hay cũ, đã được sử dụng nhiều lần hay chưa.

Tại Kết luận giám định số 823/2023/KL-KTHS ngày 05/12/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi (đi và đến), tin nhắn SMS (đi và đến), Z, M1, hình ảnh, âm thanh, video lưu trong điện thoại gửi giám định (ký hiệu A1, A2, A3) và 01 thẻ nhớ 16GB màu đen có chữ “Apacer”; không khôi phục, trích xuất được dữ liệu của mẫu vật gửi giám định (ký hiệu A4) do không mở khóa được màn hình. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin (folder) kèm theo kết luận giám định.

Tại Kết luận giám định số 21/2024/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi (đi và đến), tin nhắn SMS (đi và đến), Z, Facebook, M, hình ảnh, âm thanh, video lưu trong điện thoại gửi giám định (ký hiệu A1, A2), 02 thẻ sim có dãy số “8401200292978011” và “898404800917733284”. Tất cả dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 tập tin (folder) kèm theo kết luận giám định.

Trong quá trình điều tra Lê Thị T khai nhận: Mục đích thuê Phạm Thành L, Đinh Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 đánh Huỳnh Thị Bích T3 để đánh gây thương tích với điều kiện “chém nó (T3) vài cái có máu là được để cảnh cáo nó, để nó bớt mất dạy”, không nói rõ ai là người gây thương tích, phải gây thương tích như thế nào, ở vị trí nào trên cơ thể Tuyền, gây thương tích bằng hung khí gì. T biết Phạm Thành L cùng Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 đi đánh T3 có mang theo hung khí nhưng cụ thể hung khí gì thì không biết và T có đưa một bình xịt hơi cay để sử dụng. Việc L dùng dao gây thương tích cho T3 là không vượt quá yêu cầu của T. Lời khai của Lê Thị T phù hợp với lời khai của Phạm Thành L, Đinh Văn C và Lê Đoàn Thiên P1. Sau khi nhận Bản kết luận điều tra số 52 ngày 25/7/2023, Lê Thị T thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi vi phạm và có hành vi xúi giục L, C, P1 thay đổi lời khai với mục đích hướng tới là T không thuê L, C, P1 gây thương tích cho Huỳnh Thị Bích T3. Tuy nhiên; căn cứ vào lời khai nhận tội của T, lời khai của L, C, P1 cùng các biên bản đối chất, tài liệu đã thu giữ đủ chứng cứ chứng

minh Lê Thị T thuê Phạm Thành L, Đinh Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 gây thương tích cho bị hại T3 vào ngày 15/11/2022 như ở trên.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn H2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (theo điểm a, h, i khoản 1) Điều 134; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị T 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2022 đến ngày 25/11/2022;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (theo điểm a, h, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thành L 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 3 (theo điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s, e khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Văn H2 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3 số tiền là 136.380.000 đồng (trong đó: Tiền xe đi khám bệnh 3.700.000 đồng, tiền thuốc điều trị 12.580.000 đồng, tiền thuê người nuôi bệnh 3.600.000 đồng, tiền thuê người nuôi con nhỏ 18.000.000 đồng, tiền thuê người nuôi gà 24.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 74.500.000 đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 100.000.000 đồng mà các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 đã bồi thường cho bị hại (trong đó mỗi bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng, bị cáo Lê Thị T bồi thường 70.000.000 đồng). Số tiền 100.000.000 đồng hiện đang được tạm gửi giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo biên lai thu số 0000100 ngày 31/7/2024. Các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 có nghĩa vụ tiếp tục liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3 số tiền còn lại là 36.380.000 đồng;

Buộc bị cáo Đinh Văn H2 phải bồi thường cho Phạm Thành L số tiền 51.035.000 đồng (Trong đó: Chi phí điều trị thương tích là 10.535.000 đồng, tiền công lao động cho người chăm sóc là 40.500.000 đồng);

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.000.000 đồng là tổng số tiền thuê gây thương tích mà bị cáo Lê Thị T tự nguyện

giao nộp trong quá trình điều tra;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên tội danh và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, lỗi suất chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 20/9/2024; bị cáo Lê Thị T kháng cáo kêu oan; yêu cầu Điều tra viên Nguyễn Trường X1 trả lại cho chồng của bị cáo là ông Đỗ Minh H1 số tiền 6.000.000 đồng và Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho chồng của bị cáo là ông Đỗ Minh H1 số tiền 100.000.000 đồng; yêu cầu Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho bị cáo số tiền 7.500.000 đồng.

- Ngày 25/9/2024, bị cáo Đinh Văn H2 kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, giảm tiền bồi thường. Đến ngày 04/10/2024, bị cáo Đinh Văn H2 tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Ngày 24/9/2024, bị hại Huỳnh Thị Bích T3 kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đinh Văn H2; tăng nặng hình phạt cho các bị cáo Lê Thị T và Phạm Thành L; yêu cầu các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 liên đới bồi thường tổng số tiền 461.254.000 đồng.

- Ngày 20/9/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh H1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền 6.000.000 đồng mà ông đã đưa cho Điều tra viên Nguyễn Trường X1 và số tiền 100.000.000 đồng mà ông đã đưa cho Điều tra viên Đỗ Lê T4. Buộc Điều tra viên Nguyễn Trường X1 trả lại cho ông số tiền 6.000.000 đồng và buộc Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Thị T cho rằng không có hành vi thuê các bị cáo Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 với giá 6.000.000 đồng để gây thương tích cho Huỳnh Thị Bích T3; bị cáo không có hành vi cung cấp công cụ, phương tiện cho các bị cáo Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 để gây thương tích cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị cáo Phạm Thành L khẳng định do bị cáo Lê Thị T thuê bị cáo cùng các bị cáo Đinh Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 với giá 6.000.000 đồng để gây thương tích cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3 đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo; bị cáo không có ý kiến gì đối với các kháng cáo của bị cáo T, bị hại T3 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Minh H1.

- Bị cáo Đinh Văn H2 thừa nhận đã gây thương tích cho Phạm Thành L đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Trước đó bị cáo có kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và giảm nhẹ trách nhiệm bồi thường, nhưng sau đó đã tự nguyện rút lại toàn

bộ yêu cầu kháng cáo. Bị cáo đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không kháng cáo; bị cáo không có ý kiến gì đối với các kháng cáo của bị cáo T, bị hại T3 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Minh H1.

- Bị cáo Đinh Văn C khẳng định do bị cáo Lê Thị T thuê bị cáo cùng bị cáo Phạm Thành L, bị cáo rủ thêm bị cáo Lê Đoàn Thiên P1 để gây thương tích cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3, bị cáo Lê Thị T thuê 03 bị cáo với giá 6.000.000 đồng đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo và không có ý kiến gì khác.

- Bị cáo Lê Đoàn Thiên P1 khẳng định do bị cáo Đinh Văn C điện thoại rủ bị cáo cùng với bị cáo Phạm Thành L và bị cáo Đinh Văn C đi gây thương tích cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3, bị cáo Lê Thị T thuê 03 bị cáo với giá 6.000.000 đồng đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo và không có ý kiến gì khác.

- Bị hại Huỳnh Thị Bích T3 trình bày do bị cáo Lê Thị T thuê các bị cáo Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 gây thương tích cho bị hại đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Huỳnh Thị Bích T3 - ông Huỳnh Văn V đồng ý với lời trình bày của bị hại T3 và không có ý kiến gì thêm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Minh H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với các kháng cáo này là đúng quy định. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị T thấy rằng: về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, h, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, bị cáo kháng cáo kêu oan là không có cơ sở; về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, bị cáo Lê Thị T yêu cầu Điều tra viên Nguyễn Trường X1 trả lại cho chồng của bị cáo là ông Đỗ Minh H1 số tiền 6.000.000 đồng và Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho chồng của bị cáo là ông Đỗ Minh H1 số tiền 100.000.000 đồng, yêu cầu Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho bị cáo số tiền 7.500.000 đồng là không có cơ sở. Xét kháng cáo của bị hại Huỳnh Thị Bích T3 thấy rằng: về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thị T 03 năm tù và bị cáo Phạm Thành L 02 năm tù là tương xứng, bị hại Tuyên kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo L là không có căn cứ; bị hại T3 không có quyền kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo Đinh

Văn H2 nên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H2 không được xem xét; về trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 liên đới bồi thường cho bị hại T3 số tiền 136.380.000 đồng là phù hợp, bị hại kháng cáo yêu cầu tăng tiền bồi thường lên 461.254.000 đồng là không có cơ sở. Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Minh H1 yêu cầu Điều tra viên Nguyễn Trường X1 trả lại số tiền 6.000.000 đồng và yêu cầu Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại số tiền 100.000.000 đồng là không có căn cứ. Đối với bị cáo Đinh Văn H2 đã rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 342, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đinh Văn H2. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị T, bị hại Huỳnh Thị Bích T3 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Minh H1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, h, i khoản 1) Điều 134; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị T 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2022 đến ngày 25/11/2022;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (theo điểm a, h, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thành L 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2023;

Căn cứ vào Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đinh Văn H2;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3 số tiền là 136.380.000 đồng (trong đó: Tiền xe đi khám bệnh 3.700.000 đồng, tiền thuốc điều trị 12.580.000 đồng, tiền thuê người nuôi bệnh 3.600.000 đồng, tiền thuê người nuôi con nhỏ 18.000.000 đồng, tiền thuê người nuôi gà 24.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 74.500.000 đồng), được khấu trừ vào số tiền 100.000.000 đồng mà các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 đã nộp;

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số

tiền 6.000.000 đồng là tổng số tiền thuê gây thương tích mà bị cáo Lê Thị T tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra;

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo T tranh luận: Số tiền 6.000.000 đồng do chồng của bị cáo là ông Đỗ Minh H1 đưa cho Điều tra viên chứ không phải do bị cáo giao nộp. Số tiền 100.000.000 đồng do ông Đỗ Minh H1 cho bị cáo Lộc mượn để khắc phục hậu quả cho bị hại T3, ông H1 giao số tiền này cho Điều tra viên Đỗ Lê T4. Bị cáo không có thuê các bị cáo L, C, P1 gây thương tích cho bị hại T3. Bị cáo không có giao nộp số tiền 6.000.000 đồng và số tiền 100.000.000 đồng; riêng số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo đưa cho Điều tra viên Nguyễn Trường X1 đóng phạt vi phạm hành chính cho bị cáo nhưng bị cáo chỉ bị phạt số tiền 7.500.000 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo T, Luật sư Trần Cao P tranh luận: Không đủ căn cứ xác định bị cáo T thuê các bị cáo L, C, P1 gây thương tích cho bị hại T3. Không đủ chứng cứ xác định bị cáo T chỉ đạo các bị cáo L, C, P1 qua điện thoại để đi gây thương tích cho bị hại T3. Việc các bị cáo L, C, P1 cho rằng có Luật sư tư vấn các bị cáo thay đổi lời khai là không có căn cứ. Đối với số tiền 6.000.000 đồng và số tiền 100.000.000 đồng không phải của bị cáo T nộp, vì thời gian này bị cáo T đang bị tạm giam nên không có tiền để nộp, mà số tiền này là của ông H1 giao cho Điều tra viên T4 và Điều tra viên X1. Số tiền 15.000.000 đồng là thuộc sở hữu của bị cáo T đưa cho Điều tra viên đóng phạt. Bị cáo T yêu cầu Điều tra viên trả cho ông Đỗ Minh H1 số tiền 6.000.000 đồng và số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, yêu cầu Điều tra viên trả cho bị cáo T số tiền 7.500.000 đồng là có căn cứ; chứng cứ trong vụ án lỏng lẻo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T không phạm tội.

- Các bị cáo L, C, P1, H2 không tranh luận.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại T3, ông Huỳnh Văn V tranh luận: Vì sao các hóa đơn thuốc sau ngày 15/11/2022 không hợp lệ. Yêu cầu bị cáo T cấp dưỡng nuôi con của bị hại T3 cho đến khi tròn 18 tuổi với tổng số tiền 594.000.000 đồng và cấp dưỡng một lần do bị hại bị thương tích không lao động được.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh H1 tranh luận: Điều tra viên lấy của ông số tiền 6.000.000 đồng nhưng không có biên nhận. Ông cũng muốn cho bị cáo L mượn số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại T3, nhưng khi đưa tiền cho Điều tra viên thì Điều tra viên đưa cho bị cáo L số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo C số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo P1 số tiền 10.000.000 đồng, vợ của ông là bị cáo T chỉ còn lại số tiền 70.000.000 đồng.

- Bị cáo T nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét làm sáng tỏ tình tiết của vụ án, bị cáo bị oan.

- Các bị cáo L, C, P1, H2 không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bào chữa là Luật sư Võ Thanh D1 vắng mặt nhưng bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa, xét thấy việc vắng mặt người bào chữa Võ Thanh D1 không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa Võ Thanh D1 theo quy định tại Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, bị hại kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Lê Thị T cho rằng Huỳnh Thị Bích T3 có quan hệ tình cảm với ông Lê Văn H (cha ruột T) và thách thức, khiêu khích bà Cao Thị D (mẹ ruột T), nên ngày 13/11/2022 T thuê Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 gây thương tích cho Huỳnh Thị Bích T3 với giá 2.000.000 đồng trên một người và cung cấp cho C một bình xịt hơi cay. Sau khi chuẩn bị hung khí như dao, tuýp sắt, đoạn gỗ, bình xịt hơi cay thì Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 điều khiển chở nhau trên 02 xe mô tô biển số 53R4 - 7072 và biển số 83P2 - 462.65 đi từ huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đến tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre để tìm đánh Huỳnh Thị Bích T3 và thuê phòng trọ nghỉ qua đêm.

Khoảng 09 giờ 10 phút ngày 15/11/2022, tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre, Phạm Thành L dùng dao tự chế chém Huỳnh Thị Bích T3 gây thương tích với tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 13%.

Đối với Lê Đoàn Thiên P1 có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 83P2 - 462.65 chặn xe của Huỳnh Thị Bích T3, Đinh Văn C là người chuẩn bị hung khí và có hành vi dùng bình xịt hơi cay xịt vào mặt, vào người T3 để cho Phạm Thành L dùng dao chém T3 gây thương tích, nên Chẳng và P1 là đồng phạm với L và phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra.

Đối với Đinh Văn H2, khi nhìn thấy Phạm Thành L gây thương tích cho Huỳnh Thị Bích T3 và L đã bỏ chạy nhưng H2 chủ động dùng dao tự chế truy đuổi

và chém Phạm Thành L khi L đang té ngã gây thương tích với tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 36%.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 và Đinh Văn H2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Đã áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, h, i khoản 1) Điều 134; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị T 03 năm tù. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, h, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thành L 02 năm tù. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, h, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Văn C 02 năm tù. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, h, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 54; Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đoàn Thiên P1 01 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s, e khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Văn H2 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự; buộc các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 liên đới bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3 số tiền 136.380.000 đồng; buộc bị cáo Đinh Văn H2 bồi thường cho Phạm Thành L số tiền 51.035.000 đồng; buộc các bị cáo Phạm Thành L, Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bị cáo Lê Thị T số tiền 2.000.000 đồng; buộc bị cáo Lê Đoàn Thiên P1 trả lại cho bị cáo Lê Thị T số tiền 2.000.000 đồng. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.000.000 đồng là tổng số tiền thuê gây thương tích mà bị cáo Lê Thị T tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo. Do không đồng ý với Bản án sơ thẩm nên bị cáo Lê Thị T, bị hại Huỳnh Thị Bích T3, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Minh H1 kháng cáo; riêng bị cáo Đinh Văn H2 trước đó có kháng cáo, nhưng sau đó đã đồng ý với Bản án sơ thẩm nên tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị T kêu oan; yêu cầu Điều tra viên Nguyễn Trường X1 trả lại cho chồng của bị cáo là ông Đỗ Minh H1 số tiền 6.000.000 đồng và Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho chồng của bị cáo là ông Đỗ Minh H1 số tiền 100.000.000 đồng; yêu cầu Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho bị cáo số tiền 7.500.000 đồng:

- Đối với kháng cáo kêu oan, thấy rằng: Trong quá trình điều tra, từ ngày

18/11/2022 đến khi kết thúc điều tra (ngày 25/7/2023) thì bị cáo T đều thừa nhận có hành vi thuê bị cáo C và bị cáo L gây thương tích cho bị hại T3. Tại Bản tự khai ngày 22/11/2022, bị cáo T tự khai: tôi có hỏi L “mày về quê đánh con Tuyền giùm tao được không”, L nói “được”, tôi hỏi L “mày đi mấy người”, L nói “khoảng 3 - 4 người”, tôi hỏi L “bao nhiêu tiền”, L nói “cô cho 01 người 2.000.000 đồng”, L nói không có tiền đồ xăng, tôi đưa C 2.000.000 đồng và bình xịt hơi cay. Nội dung trên đây là do tôi tự khai báo, không ai ép buộc; mục đích tôi kêu L cùng đồng bọn đánh là để cho nó bị thương tích chảy máu cho nó sợ, sau này không qua lại với cha tôi nữa (bút lục số 634 - 636). Tại Bản tự khai ngày 22/11/2022, bị cáo T tự khai: L hỏi tôi “con nhỏ đó ở đâu”, tôi nói “nó ở Bến Tre, tên T3, nhà nó ở gần nhà mẹ tao đi qua khỏi cửa khoảng 20 mét có căn nhà mé tay phải, chỉ có 01 căn nhà đó thôi, nó lùn, mập, trắng, tóc vàng”; “... đến trưa hôm sau P1 điện thoại cho tôi nói đánh rồi, L bị thương, C chở L đi bệnh viện bỏ con ở đây không biết đường về, tôi kêu P1 hỏi người ra bến xe để về S”; “... tiền 2.000.000 đồng và bình hơi cay tôi đưa cho C để C đưa cho những người đi cùng là chi phí trên đường đi, tôi kêu đánh T3 cho có thương tích chảy máu, việc L dùng dao chém bị hại gây thương tích và tôi đồng ý sẽ chịu trách nhiệm chung và sẽ bồi thường cho T3 theo quy định” (bút lục số 638, 639). Tại Bản tự khai ngày 18/11/2022, bị cáo T tự khai: “Chẳng nói L bị tai nạn rồi đang ở bệnh viện Nguyễn Đình C1, tôi nói xin về bệnh viện Quận A đi cho gần nhà, C nói không có tiền, tôi nói xin về bệnh viện Quận A đi rồi tôi đem tiền xuống đóng. Tôi đưa cho P1 2.000.000 đồng để đem xuống bệnh viện Quận A đóng tiền” (bút lục số 633). Tại Biên bản ghi lời khai ngày 22/11/2022, bị cáo T khai: “Tôi kêu L, C về Bến Tre đánh T3 thì L nói đi 3 hay 4 người gì đó, tôi nghĩ đi 3 hay 4 người đều được. Sau đó biết có 3 người là L, C, P1” (bút lục số 678). Tại Biên bản hỏi cung bị cáo ngày 25/11/2022, bị cáo T khai: “Lúc trao đổi thì tôi có nói cho L, C nghe là đánh T3 có thương tích, chảy máu là được, chứ không có giới hạn phải đánh thế nào, đánh bằng hung khí gì, miễn đánh T3 có thương tích, chảy máu là được. Việc L có dùng dao chém T3 vào ngày 15/11/2022 là làm theo yêu cầu của tôi, hậu quả L gây ra thương tích cho T3 là không vượt quá mong muốn của tôi. Tôi đưa bình xịt hơi cay cho C là để sử dụng trong lúc đánh bị hại” (bút lục số 685). Tại Biên bản đối chất giữa bị cáo T và bị cáo L vào ngày 25/11/2022, bị cáo T khẳng định: “Tôi trực tiếp đứng ra kêu L đánh T3 cho tôi thì tôi giao cho L quyết định về số người đi và những người nào tham gia sẽ do L quyết định. Khi L báo cho tôi biết đi khoảng 3 - 4 người thì tôi đồng ý, tôi cũng không can thiệp gì về việc lựa chọn người tham gia đánh Tuyền của L, tôi biết số lượng người là đủ rồi” (bút lục số 406, 407). “... tôi không có kêu L đánh T3 như thế nào, bằng vật gì, gây thương tích ở đâu, mà việc gây thương

tích cho T3 là do L tự quyết định lựa chọn nhưng T đồng ý, chỉ gây thương tích cho T3 có máu là được, chỉ để cảnh cáo dẫn mặt Tuyên chứ không phải đánh gây thương tích T3 cho đến chết” (bút lục số 408). “Thương tích của T3 ở tay, chân, mông là đúng theo yêu cầu của T, tức chỉ gây thương tích cho T3 như vậy là được” (bút lục số 410). Tại Biên bản đối chất giữa bị cáo T với bị cáo C vào ngày 08/02/2023, bị cáo C khẳng định: “Đầu tiên T kêu L đến xã P gây thương tích cho T3, T nói tội bây có làm không, L trả lời nhận làm việc này, T hỏi tội bây lấy bao nhiêu tiền, L và C thống nhất nhau trả lời mỗi người 2.000.000 đồng, T hỏi tội bây đi mấy người, L và C nói đi 4 người, T hỏi tội bây có tiền không, L nói cô T ứng cho tội con 2.000.000 đồng, T trực tiếp đưa cho C 2.000.000 đồng, C đưa L 1.000.000 đồng, C đưa P1 500.000 đồng, C giữ 500.000 đồng, đến ngày 14/11/2022 L, C, P1 đến xã P, đến ngày 15/11/2022 thì gây thương tích cho T3. T xác định lời trình bày này của C là đúng” (bút lục số 422). Mặc dù sau khi kết thúc điều tra đến nay, bị cáo T đã phủ nhận các lời khai trước đó và kêu oan; tuy nhiên căn cứ vào lời khai của các bị cáo kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có cơ sở xác định bị cáo T đã trực tiếp thuê bị cáo L, bị cáo C và gián tiếp thuê bị cáo P1 (thông qua bị cáo C) với giá thuê mỗi bị cáo số tiền 2.000.000 đồng để gây thương tích cho bị hại T3 và bị cáo T đã cung cấp bình xịt hơi cay cho bị cáo C để dùng vào việc phạm tội, hậu quả bị cáo L chém bị hại T3 gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 13% với sự giúp sức của bị cáo C và bị cáo P1. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, h, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; việc bị cáo T kháng cáo không thừa nhận hành vi và kêu oan là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Đối với kháng cáo yêu cầu Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại số tiền 7.500.000 đồng, thấy rằng: Bị cáo T cho rằng đã trực tiếp đưa số tiền 15.000.000 đồng cho Điều tra viên Đỗ Lê T4 để nhờ đi đóng tiền phạt vi phạm hành chính cho bị cáo. Điều tra viên Đỗ Lê T4 nhận lời và đóng phạt vi phạm hành chính cho bị cáo chỉ số tiền 7.500.000 đồng, nên bị cáo yêu cầu Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại số tiền còn dư cho bị cáo là 7.500.000 đồng. Xét thấy tại phiên toà phúc thẩm, Điều tra viên Đỗ Lê T4 cung cấp một số tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, theo đó: tại Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 20/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thể hiện Lê Thị T giao cho Điều tra viên Đỗ Lê T4 số tiền 15.000.000 đồng, đồng thời Lê Thị T trình bày: “Tôi T và Đinh Văn C có quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Nay tôi xin tạm gửi số tiền trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện T để thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính”; tại Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính số 2292719 ngày 21/8/2023 của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T thể hiện Lê Thị T nộp phạt vi phạm số tiền 7.500.000 đồng theo Quyết định số 3029 ngày 16/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; tại Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính số 2292813 ngày 21/8/2023 của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T thể hiện Đinh Văn C nộp phạt vi phạm số tiền 7.500.000 đồng theo Quyết định số 3030 ngày 16/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đã thể hiện Điều tra viên Đỗ Lê T4 có nhận của Lê Thị T số tiền 15.000.000 đồng, số tiền này sau đó đã nộp phạt vi phạm hành chính cho Lê Thị T 7.500.000 đồng và Đinh Văn C 7.500.000 đồng. Vì vậy bị cáo T kháng cáo yêu cầu Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho bị cáo T số tiền 7.500.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Đối với kháng cáo yêu cầu Điều tra viên Nguyễn Trường X1 trả lại cho chồng của bị cáo là ông Đỗ Minh H1 số tiền 6.000.000 đồng và Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho chồng của bị cáo là ông Đỗ Minh H1 số tiền 100.000.000 đồng, thấy rằng: Căn cứ vào Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 25/11/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thể hiện Lê Thị T giao cho Điều tra viên Nguyễn Trường X1 nhận số tiền 6.000.000 đồng, theo đó Lê Thị T trình bày: “số tiền trên tôi dùng để thuê L cùng đồng bọn đánh gây thương tích cho T3 - ấp P, xã P. Tôi còn giữ lại chưa trả cho L thì bị Cơ quan điều tra mời làm việc. Nay tôi giao nộp cho Cơ quan điều tra để tạm giữ, xử lý” (bút lục số 287 - 288); xét thấy số tiền 6.000.000 đồng này là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên Toà án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước là có căn cứ, vì vậy kháng cáo của bị cáo T như nêu trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Ngoài ra, căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 19/5/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T với các bị cáo T, L, C và P1 thể hiện các bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 78.800.000 đồng, gồm: bị cáo L bồi thường 10.000.000 đồng, bị cáo C bồi thường 10.000.000 đồng, bị cáo P1 bồi thường 10.000.000 đồng, bị cáo T bồi thường 48.880.000 đồng và đồng ý thêm tiền bồi dưỡng là 21.120.000 đồng, tại Biên bản làm việc này còn thể hiện nội dung: “Do các bị can không thể trực tiếp gặp bị hại Tuyên để bồi thường nên các bị can sẽ ký gởi số tiền nói trên tại Cơ quan điều tra để Cơ quan điều tra gởi lại cho bị hại hoặc chuyển theo hồ sơ vụ án để Toà án huyện Thạnh Phú biết” (bút lục số 125 - 129); đồng thời tại Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 19/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thể hiện Lê Thị T giao

số tiền 100.000.000 đồng, theo đó Lê Thị T trình bày: “số tiền 100.000.000 đồng nói trên là tiền bồi thường dân sự của các bị can cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3, trong đó: tiền của bị can Phạm Đình L1, Đình Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 mỗi bị can là 10.000.000 đồng; riêng của bị can Lê Thị T là 70.000.000 đồng. Nay bị can T xin đại diện cho các bị can L1, C, P1 tự nguyện giao nộp số tiền nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để giữ bồi thường cho bị hại”; xét thấy từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định số tiền 100.000.000 đồng này là số tiền các bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên Toà án cấp sơ thẩm đã khấu trừ số tiền 100.000.000 đồng này vào tổng số tiền 136.380.000 đồng phải bồi thường cho bị hại là có căn cứ, vì vậy kháng cáo của bị cáo T như nêu trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Huỳnh Thị Bích T3 kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đình Văn H2; tăng nặng hình phạt cho các bị cáo Lê Thị T và Phạm Thành L; yêu cầu các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đình Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 liên đới bồi thường tổng số tiền 461.254.000 đồng:

- Đối với kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đình Văn H2: xét thấy bị hại T3 không có quyền yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đình Văn H2, nên kháng cáo này của bị hại T3 không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt cho các bị cáo Lê Thị T và Phạm Thành L: xét thấy Toà án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo L đã xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; theo đó bị cáo T và bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo L được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo T 03 năm tù và bị cáo L 02 năm tù là tương xứng. Bị hại không cung cấp được tình tiết mới có ý nghĩa tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo T và bị cáo L, vì vậy kháng cáo của bị hại T3 như nêu trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Đối với kháng cáo yêu cầu các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đình Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 liên đới bồi thường tổng số tiền 461.254.000 đồng, thấy rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đến các khoản thiệt hại của bị hại, đã buộc các bị cáo T, L, C và P1 liên đới trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền 136.380.000 đồng là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị hại T3 có cung cấp một số hoá đơn, chứng từ thể hiện việc điều trị bệnh; tuy nhiên xét thấy những hoá đơn, chứng từ này là không phù hợp, không có cơ sở để xem xét, vì vậy kháng cáo của bị hại

T3 như nêu trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của ông Đỗ Minh H1 yêu cầu Điều tra viên Nguyễn Trường X1 trả lại cho ông số tiền 6.000.000 đồng và Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng, xét thấy: Cũng như đã phân tích ở phần xét kháng cáo của bị cáo T yêu cầu Điều tra viên Nguyễn Trường X1 trả lại cho chồng của bị cáo T là ông Đỗ Minh H1 số tiền 6.000.000 đồng và Điều tra viên Đỗ Lê T4 trả lại cho chồng của bị cáo T là ông Đỗ Minh H1 số tiền 100.000.000 đồng; thấy rằng số tiền 6.000.000 đồng này là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, do bị cáo T giao nộp cho Cơ quan điều tra để tạm giữ, xử lý, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước là có căn cứ, vì vậy kháng cáo của ông Đỗ Minh H1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Ngoài ra, số tiền 100.000.000 đồng này là số tiền do các bị cáo T, L, C, P1 bồi thường dân sự cho bị hại T3 do bị cáo T đại diện cho các bị cáo L, C, P1 tự nguyện giao nộp số tiền này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để giữ bồi thường cho bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm đã khấu trừ số tiền 100.000.000 đồng này vào tổng số tiền 136.380.000 đồng mà các bị cáo phải bồi thường cho bị hại là có căn cứ. Hai khoản tiền này đều do bị cáo T giao nộp cho Cơ quan điều tra, không liên quan gì đến ông H1, vì vậy kháng cáo của ông Đỗ Minh H1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Đối với bị cáo Đinh Văn H2; vào ngày 25/9/2024 bị cáo có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giảm tiền bồi thường; nhưng đến ngày 04/10/2024 bị cáo H2 đã tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy việc bị cáo H2 tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, vì vậy cấp phúc thẩm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H2. Bản án sơ thẩm số 50/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú liên quan đến bị cáo H2 đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[7] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, bị hại T3, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Minh H1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị T không phạm tội là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Huỳnh Văn V yêu cầu bị cáo T cấp dưỡng nuôi con của bị hại Tuyền do bị hại bị thương tích không lao động được, cho đến khi con của bị hại tròn 18 tuổi với tổng số tiền 594.000.000 đồng và cấp dưỡng một lần. Xét thấy yêu cầu này là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí:

- Bị cáo Lê Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

- Bị cáo Đinh Văn H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị T, bị hại Huỳnh Thị Bích T3, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Minh H1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 50/2024/HS-ST ngày 10-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, h, i khoản 1) Điều 134; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị T 03 (ba) năm tù, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ là 09 (chín) ngày (từ ngày 16/11/2022 đến ngày 25/11/2022), thời hạn còn lại phải chấp hành là 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (theo điểm a, h, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thành L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2023.

1.3. Căn cứ vào Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đinh Văn H2. Bản án sơ thẩm số 50/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đối với bị cáo Đinh Văn H2 đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3 số tiền là 136.380.000 (một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng (trong đó: Tiền xe đi khám bệnh 3.700.000 đồng, tiền thuốc điều trị 12.580.000 đồng, tiền thuê người nuôi bệnh 3.600.000 đồng, tiền thuê người nuôi con nhỏ 18.000.000

đồng, tiền thuê người nuôi gà 24.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 74.500.000 đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng mà các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 đã bồi thường cho bị hại (trong đó mỗi bị cáo Phạm Thành L, Đinh Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 bồi thường 10.000.000 đồng; bị cáo Lê Thị T bồi thường 70.000.000 đồng). Số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng hiện đang được tạm giữ giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Biên lai thu số 0000100 ngày 31/7/2024;

Các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thành L, Đinh Văn C và Lê Đoàn Thiên P1 có nghĩa vụ tiếp tục liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Huỳnh Thị Bích T3 số tiền còn lại là 36.380.000 (ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng là tổng số tiền thuê gây thương tích mà bị cáo Lê Thị T tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra (Theo Biên lai thu số 0000100 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bị cáo Lê Thị T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Ông Đỗ Minh H1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Bị cáo Đinh Văn H2 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Đinh Văn C, Lê Đoàn Thiên P1, Đinh Văn H2, phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện T (9b);
- VKSND huyện T (1b);
- Công an huyện T (1b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- UBND xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (1b);
- Bị cáo (3b);
- Bị hại (1b);
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Tôn Văn Thông